



ISO 9001 - 2015

TỔNG CÔNG TY VIWASEEN  
CTY CP ĐẦU TƯ & XD CẤP THOÁT NƯỚC

Số: **63** / BC- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày **03** tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng cấp thoát nước (WASECO);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng cấp thoát nước được Công ty THHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán ký ngày 13 tháng 03 năm 2024;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023. như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
<b>I</b>	<b>Bảng Cân đối kế toán</b>		
<b>1</b>	<b>Tổng Tài sản</b>	<b>407.274.711.500</b>	<b>515.971.692.469</b>
1.1	Tài sản ngắn hạn	203.751.912.997	211.481.178.376
1.2	Tài sản dài hạn	203.522.798.503	304.490.514.093
<b>2</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>407.274.711.500</b>	<b>515.971.692.469</b>
2.1	Nợ phải trả	<b>208.122.481.093</b>	<b>321.645.461.617</b>
2.2	Vốn Chủ sở hữu	<b>199.152.230.407</b>	<b>194.326.230.852</b>
	<i>Trong đó: LNST chưa phân phối</i>	23.079.106.423	13.719.520.861
	<i>+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	8.645.987.912	656.969.474
	<i>+ LNST chưa phân phối năm nay</i>	14.433.118.511	13.062.551.387
<b>II</b>	<b>Báo cáo kết quả SXKD</b>		
1	Tổng doanh thu	<b>435.675.838.487</b>	<b>465.001.073.687</b>
2	Lợi nhuận sau thuế	<b>27.633.118.511</b>	<b>25.653.079.229</b>
	Trong đó:		
	- LN sau thuế của Công ty Mẹ	27.633.118.511	26.262.551.387
	- LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(609.472.158)

**Kèm theo:** i) Báo cáo kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất của Công ty THHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCS); ii) Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất; iii) Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất; iv) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hùng

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC  
(WASECO)**

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm 2023*



**Được kiểm toán bởi:**

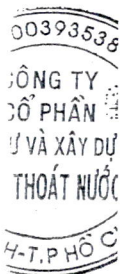
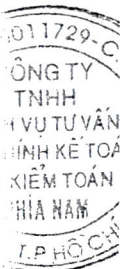
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 028.38 205.942

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2023	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023	11 – 45



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)** là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:** Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Sản xuất điện. Chi tiết: sản xuất điện gió, điện mặt trời và điện khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Truyền tải và phân phối điện. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại...

**Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng)**

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông Nguyễn Duy Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đoàn Chung	Phó Chủ tịch
Ông Chu Xuân Lãng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Bôn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bảo Quỳnh	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

Ông Chu Xuân Lãng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Kế toán trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

## Các thành viên của Bộ phận Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà <b>Bùi Khánh Linh</b>	Phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ
Ông <b>Nguyễn Văn Tiến</b>	Thành viên
Ông <b>Nguyễn Hoài Ninh</b>	Thành viên

## Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Bà <b>Bùi Khánh Linh</b>	Trưởng ban kiểm soát
Ông <b>Nguyễn Văn Dân</b>	Thành viên
Ông <b>Phạm Phước Thịnh</b>	Thành viên

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

TP.HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2024

**Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
CẤP THOÁT NƯỚC  
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH  
Chu Xuân Lãng

Số: 141./BCKT/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước)***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của****Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước** được lập ngày 07 tháng 03 năm 2024 từ trang 07 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước** tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng Giám đốc**



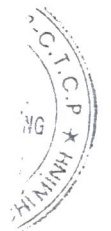
**Nguyễn Thị Tuyết**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0624-2023-142-1

**Kiểm toán viên**

**Đàm Minh Thúy**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>211.481.178.376</b>	<b>216.123.270.535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>79.293.454.676</b>	<b>60.603.722.536</b>
1. Tiền	111		75.735.543.931	46.603.722.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.557.910.745	14.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>VI.2a</b>	10.000.000.000	22.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.520.833.734</b>	<b>116.848.710.557</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>VI.3</b>	105.364.239.309	111.831.303.554
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>VI.4</b>	3.222.031.215	9.899.453.020
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>VI.5</b>	5.790.894.115	6.092.574.388
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>VI.6</b>	(10.856.330.905)	(10.974.620.405)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.7</b>	<b>14.400.983.434</b>	<b>12.382.558.201</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.777.267.846	12.758.842.613
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(376.284.412)	(376.284.412)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.265.906.532</b>	<b>4.288.279.241</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>VI.12a</b>	4.265.906.532	4.288.279.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>VI.16</b>		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>304.490.514.093</b>	<b>318.966.362.393</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>157.755.151.594</b>	<b>170.225.676.221</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>VI.9</b>	<b>138.738.623.039</b>	<b>150.661.447.182</b>
- Nguyên giá	222		252.168.224.161	248.388.899.213
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(113.429.601.123)	(97.727.452.031)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>VI.10</b>	<b>19.016.528.555</b>	<b>19.564.229.039</b>
- Nguyên giá	228		23.567.332.000	23.567.332.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.550.803.445)	(4.003.102.961)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>VI.11</b>	<b>121.583.334.200</b>	<b>128.309.369.492</b>
- Nguyên giá	231		206.497.093.439	206.497.093.439
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(84.913.759.239)	(78.187.723.947)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>VI.8</b>	<b>19.596.582.666</b>	<b>14.117.766.272</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.596.582.666	14.117.766.272
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.2b</b>	<b>2.855.616.559</b>	<b>2.855.616.559</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.487.946.475	4.487.946.475
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.632.329.916)	(1.632.329.916)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.699.829.074</b>	<b>3.457.933.849</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>VI.12b</b>	1.130.851.893	1.845.074.145
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>VI.22a</b>	690.559.331	344.033.854
5. Lợi thế thương mại	269	<b>VI.12c</b>	878.417.850	1.268.825.850
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>515.971.692.469</b>	<b>535.089.632.928</b>

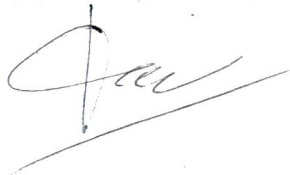


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>321.645.461.617</b>	<b>336.596.481.305</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>162.696.796.851</b>	<b>144.443.037.786</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.14	72.941.235.067	36.002.554.268
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.15	2.266.181.438	19.069.594.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.16	10.021.010.415	7.407.970.344
4. Phải trả người lao động	314	VI.17	3.251.393.751	2.960.760.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	14.070.842.770	36.500.792.326
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	20.746.999.059	13.269.610.859
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.13a	14.070.739.913	10.759.396.244
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.21	22.488.406.573	16.224.129.573
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	VI.23	2.839.987.865	2.248.229.085
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>158.948.664.766</b>	<b>192.153.443.519</b>
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	VI.19c		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20	5.027.049.669	5.145.304.213
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	27.108.606.446	27.283.259.769
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.13b	121.738.607.675	156.086.113.675
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.22b	5.074.400.976	3.638.765.862
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>194.326.230.852</b>	<b>198.493.151.623</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.24	<b>194.312.322.604</b>	<b>198.479.243.375</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.000)	(30.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.24	34.419.917.589	34.419.917.589
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.719.520.861	17.276.969.474
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		656.969.474	6.116.102.049
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		13.062.551.387	11.160.867.425
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.533.586.007	5.143.058.165
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13.908.248</b>	<b>13.908.248</b>
1. Nguồn kinh phí	431		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>515.971.692.469</b>	<b>535.089.632.928</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Ngọc Đài

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 07 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chu Xuân Lăng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

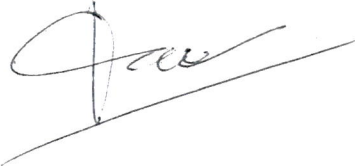
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VII.1	465.001.073.687	336.741.030.865
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		465.001.073.687	336.741.030.865
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	393.264.604.283	266.670.615.496
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		71.736.469.404	70.070.415.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	4.233.480.956	4.163.944.681
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	18.040.045.476	20.058.015.024
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.039.263.271	20.051.171.346
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7a	249.158.935	383.874.370
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7b	22.922.548.648	22.926.721.822
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		34.758.197.301	30.865.748.834
12. Thu nhập khác	31	VII.5	493.690.187	155.112.977
13. Chi phí khác	32	VII.6	1.142.833.628	315.285.661
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(649.143.441)	(160.172.684)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.109.053.860	30.705.576.150
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	7.366.864.995	6.164.922.527
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.089.109.636	390.105.679
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.653.079.229	24.150.547.944
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.262.551.387	24.360.867.425
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(609.472.158)	(210.319.481)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.11	1.990	1.586
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập, ngày 07 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Ngọc Đài

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chữ Xuân Lãng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		512.514.854.026	342.276.609.660
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(358.885.602.547)	(171.790.254.296)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.416.014.475)	(18.621.483.609)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17.867.253.962)	(19.959.101.135)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.549.183.177)	(6.010.847.531)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.166.393.982	18.352.030.686
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(63.043.590.419)	(82.594.040.130)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>61.919.603.428</b>	<b>61.652.913.645</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.980.004.816)	(2.036.415.808)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.320.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(34.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	13.122.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.991.385.467	2.574.014.591
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>14.016.700.651</b>	<b>(21.240.401.217)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31			
3. Tiền thu từ đi vay	33		56.902.663.456	37.993.648.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(87.938.825.787)	(63.899.258.816)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.225.284.700)	(39.256.752.850)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(57.261.447.031)</b>	<b>(65.162.362.686)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>18.674.857.048</b>	<b>(24.749.850.258)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>60.603.722.536</b>	<b>85.339.852.634</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.875.092	13.720.160
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VI.1</b>	<b>79.293.454.676</b>	<b>60.603.722.536</b>

Lập, ngày 07 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Đài

Nguyễn Quốc Tuấn

Chu Xuân Lãng